TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 49/2019/QĐST-DS	*Thuận An, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 249/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1966; HKTT: A.10/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; HKTT: A.10/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Trình B, sinh năm 1964;

2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1982;

3. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1984;

Cùng trú tại: Lô 4, D9, khu phố Bình T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; trú tại: A.10/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1986; trú tại: 53/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1989; trú tại: A.10/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

7. Ông Lê Minh T, sinh năm 1986; trú tại: A 13/16 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

10. Ông Nguyễn Phước An T, sinh năm 1976; nơi cư trú: 36/3B Lê Văn T, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

11. Ông Phạm Anh T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

12. Ông Đinh Văn P, sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm T, xã Tiêu Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

13.Bà Phan Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

14. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991; trú tại: A.10/1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

15. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967;

16. Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1971;

Cùng trú tại: A12/5 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

17. Ông Phan Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Xóm Phúc Đ, xã Hưng T, huyện H, tỉnh Nghệ An.

18.Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1960;

19. Bà Dương Thị G, sinh năm 1958;

Cùng trú tại: 3/45 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Trình B về việc xác định toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 714, (Ô: 1; Lô :A10), tờ bản đồ số 03, diện tích 570,9m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử đất số H00725/KDCTG do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An (nay là thị xã Thuận An) cấp ngày 25/12/2006 và diện tích 1965,9m^2 (theo kết quả đo đạc thực tế) thuộc thửa số 3, tờ bản đồ B3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1106 QSDĐ/TG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã Thuận An) cấp ngày 19/8/1999 cho bà Thái Thị Ngọt là tài sản của bà Thái Thị N để lại cho ông Nguyễn Văn R. Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Trình B xác định không tranh chấp, không có yêu cầu, không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đối với diện tích đất và tài sản trên.

2. Đối với vị trí và diện tích đất hoán đổi giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh Đ, bà Dương Thị G, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V thống nhất không tranh chấp phần đất đã hoán đổi của bà Thái Thị N cho ông Nguyễn Minh Đ theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 572,5m^2 (LUA) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3 và một phần tờ A3 theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số: 1106 QSDĐ/TG cấp ngày 19/8/1999, đăng ký biến động ngày 18/9/2009 cấp cho bà Thái Thị N. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 572,5 m^2 (LUA) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2), tờ bản đồ gốc B3 và một phần tờ A3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Minh Đ. (Ký hiệu phần I)

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh Đ, bà Dương Thị G, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V thống nhất không tranh chấp phần đất đã hoán đổi của ông Nguyễn Minh Đ cho bà Thái Thị N có diện tích 291,1m^2(NTS) thuộc thửa số 2, tờ bản đồ B3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 291,1m^2 (NTS) sử dụng thửa số 2, tờ bản đồ B3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương vào di sản của bà Thái Thị N.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Thuận An thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ để bổ sung đối với diện tích 572,5m^2 (LUA) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh Đ cho phù hợp với nội dung tại Quyết định này. Đối với thửa số 215, tờ bản đồ A3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ không có thay đổi. Đối với thửa số 2, tờ bản đồ B3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ diện tích 380m^2 (trong đó có 316m^2 hành lang lộ giới và 64m^2 Ao), theo kết quả đo đạc thực tế còn lại 291,1m^2 (NTS, CLN, HLATĐB) đã hoán đổi ông Đức không còn quyền, nghĩa vụ đối với thửa số 2, tờ bản đồ B3 này.

Ông Nguyễn Minh Đ có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất để điều chỉnh vị trí đất theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V, ông Phan Văn T không tranh chấp phần đất ông Nguyễn Văn R đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn T có diện tích 230m^2 (đất LUA) và tài sản trên đất là nhà trọ, kết cấu nền gạch men, tường xây, mái tole diện tích 170m^2 và 1,5m^2 ki ốt tự xây dựng thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3 và một phần tờ A3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 230m^2 (đất LUA) và tài sản trên đất là nhà trọ, kết cấu nền gạch men, tường xây, mái tole diện tích 170m^2 và 1,5m^2 tự xây dựng thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3 và một phần tờ A3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cho ông Phan Văn T. (Ký hiệu phần II)

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Trình B thống nhất di sản thừa kế của bà Thái Thị N để lại diện tích đất và tài sản trên đất sau khi hoán đổi, chuyển nhượng còn lại theo đo đạc thực tế như sau:

- Diện tích 570,9m^2 (ODT) thuộc thửa 714 (Ô 1, Lô A10), tờ bản đồ địa chính số 952 (3) và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, diện tích 160,2m^2 (nền gạch men, tường xây, la phông, mái tole); nhà trọ: 74,1 m^2 (nền gạch men, vách gạch, mái tole); nhà tạm: 70,7m^2 (tường xây, tole, lá, mái tole); ki ốt 48,3m^2 (nền gạch men, tường xây, mái tole) và nhà vệ sinh 48,3m^2 (nền gạch men, tường xây, mái tole) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00725/KDC TG cấp ngày 25/12/2006 cho hộ bà Thái Thị Ngọt.

- Diện tích 1.163,4m^2 (đất LUA) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3 và một phần tờ A3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và 291,1m^2 diện tích đất hoán đổi của ông Đức (đất NTS, trong đó có 214,6m^2 thuộc HLATĐB) thuộc thửa số 2, tờ bản đồ B3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế của bà Thái Thị N gồm: Ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị Thu V thống nhất di sản thừa kế của bà Thái Thị N để lại toàn bộ cho ông Nguyễn Văn R. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn R thống nhất chia di sản thừa kế của bà Thái Thị N cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V như sau:

- Ông Nguyễn Văn R được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, diện tích đất 570,9m^2 (ODT) thuộc thửa 714 (Ô 1, Lô A10), tờ bản đồ địa chính số 952 (3) và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, diện tích 160,2m^2 (nền gạch men, tường xây, la phông, mái tole); nhà trọ: 74,1 m^2 (nền gạch men, vách gạch, mái tole); nhà tạm: 70,7 m^2 (tường xây, tole, lá, mái tole); ki ốt 48,3m^2 (nền gạch men, tường xây, mái tole) và nhà vệ sinh 48,3m^2, toàn bộ tài sản tự xây dựng. (Ký hiệu phần III).

- Ông Nguyễn Văn R được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, diện tích 56,2 m^2 (đất LUA) và tài sản là ki ốt 14,7m^2, nhà trọ 11,7m^2 và ki ốt 14,7m^2, toàn bộ tài sản tự xây dựng thuộc 01 phần thửa đất số 3, tờ bản đồ chính mới: 132 (B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3, một phần tờ A3 tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. (ký hiệu số IV)

- Ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý sử dụng, định đoạt, chiếm hữu tổng diện tích 464,1m^2 bao gồm: Diện tích 287,5m^2 (LUC) thuộc một phần thửa số 3, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3, một phần tờ A3 và diện tích 176,6m^2 (NTS) thuộc thửa số 2, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc A3 (trong đó có 107,4m^2 diện tích HLATĐB) cùng tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4 diện tích 66,6m^2, nhà tạm diện tích 266,4 m^2, ki ốt 17,8 m^2, nhà trọ 39 m^2, toàn bộ tài sản tự xây dựng).(ký hiệu số V)

- Bà Nguyễn Thị B được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt, chiếm hữu tổng diện tích 467,2m^2 bao gồm: Diện tích 368,8m^2 LUA (trong đó có 13,8m^2 HLATĐB), thuộc

một phần thửa số 3, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3, một phần tờ A3 và diện tích 98,4m^2 NTS thuộc thửa số 2, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc A3 (trong đó có 91,1m^2 diện tích HLATĐB) cùng tọa lạc tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất gồm diện tích nhà tạm 150, m^2, ki ốt 115,5m^2, nhà trọ 26,5m^2, toàn bộ tự xây dựng (ký hiệu phần VI).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V được quyền quản lý sử dụng, định đoạt, chiếm hữu tổng diện tích 467m^2 bao gồm: Diện tích 450,9m^2 LUA (trong đó 85,9m^2 diện tích HLATĐB) thuộc một phần thửa số 3, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc B3, một phần tờ A3 và diện tích 16,1m^2 NTS (trong đó 16,1m^2 HLATĐB) thuộc thửa số 2, tờ bản đồ địa chính mới 132(B2) thuộc tờ bản đồ gốc A3 cùng tọa lạc khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất gồm diện tích nhà tạm 249m^2 và nhà trọ 62,6m^2, ki ốt 9,1m^2, toàn bộ tự xây dựng (ký hiệu số VII).

(có sơ đồ vị trí đất kèm theo)

- Ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Minh Đ, ông Phan Văn T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số liệu đo đạc thực tế trong Quyết định này theo quy định của pháp luật.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V, ông Nguyễn Minh Đ, ông Phan Văn T, bà Dương Thị G không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00725/KDC TG cấp ngày 25/12/2006 cho hộ bà Thái Thị N; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1106 QSDĐ/TG cấp ngày 19/8/1999, đăng ký biến động ngày 18/9/2009 cấp cho bà Thái Thị N và phần đất hoán đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 651 QSDĐ/CQTG do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/6/1998 cho ông Nguyễn Minh Đ và tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản ranh đất liền kề khi giao đất trên thực địa.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh T, ông Hoàng Văn N, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Phước An T, ông Phạm Anh T, ông Đinh Văn P, bà Phan Thị H, bà Nguyễn Thị Thúy L, không có tranh chấp không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Ngọc T không có yêu cầu, không tranh chấp trong vụ án.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị G không có yêu cầu, không có tranh chấp gì trong vụ án.

10. Chi phí tố tụng khác:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R tự nguyện chịu số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, định giá, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

- Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Ngọc T tự nguyện chịu số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) chi phí đo đạc được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

- Ông Nguyễn Minh Đ tự nguyện chịu số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) chi phí đo đạc được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

11. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn R phải chịu 57.023.100đồng (năm mươi bảy triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0024678 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Văn R còn phải nộp 35.023.100đồng (ba mươi lăm triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, một trăm đồng).

Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0036267 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Ông Phan Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0036211 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 44.032.000đồng (bốn mươi bốn triệu, không trăm ba mươi hai nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Cẩm G, bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 44.020.000đồng (bốn mươi bốn triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 43.846.000đồng (bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Ngọc T số tiền 4.800.000đồng (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0035225 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BD;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu

SƠ ĐỒ BẢN VẼ
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ SỐ 113/2017/QĐST-DS ngày 08/12/2017

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu